

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	QUY TRÌNH	Mã hiệu: QT KHTC-13
	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: /9/2021
		Trang: 1/5

1. Những người có liên quan phải đọc, hiểu và thực hiện theo đúng nội dung của tài liệu này
2. Nội dung trong tài liệu này có hiệu lực như sự chỉ đạo của Giám đốc.
3. Tài liệu được sử dụng phải được phê duyệt, các bản sao phải có dấu hiệu kiểm soát.

PHÂN PHỐI:

NƠI NHẬN	SỐ BẢN
Giám đốc	01
Phó Giám đốc	03
Thư ký ISO	01
Phòng Kế hoạch - Tài chính	01

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Nguyễn Ngọc Tuyên	Bùi Hành Quân	Nguyễn Tấn Liêm
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng Phòng	Giám đốc

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	QUY TRÌNH	Mã hiệu: QT KHTC-13
	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: /9/2021
		Trang: 3/5

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trách nhiệm, trình tự giải quyết hồ sơ Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng đối với: Tổ chức, cá nhân (chủ dự án) có nhu cầu Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.

Trách nhiệm áp dụng: Tất cả công chức, người lao động thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

Các văn bản pháp quy đề cập tại mục 5.1 của Quy trình này.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

TTHC: Thủ tục hành chính.

QT KHTC: Quy trình Kế hoạch - Tài chính.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính. - Các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 2481/QĐ-BNN-VP ngày 03/6/2021, số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021. 		
5.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (<i>theo mẫu</i>).	x	
	- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất (<i>theo mẫu</i>).	x	
	- Quy trình kiểm soát chất lượng của cơ sở sản xuất (<i>theo mẫu</i>).	x	
	- Bản tóm tắt quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn truyền thống và nguyên liệu đơn.	x	
5.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
5.4	Thời gian xử lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc: 25 ngày làm việc khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: 10 ngày làm việc khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. 		
5.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
5.6	Lệ phí		

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	QUY TRÌNH	Mã hiệu: QT KHTC-13
	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: /9/2021
		Trang: 4/5

	Áp dụng theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính.			
5.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công	Lãnh đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính	02 giờ	Mục 5.2
Bước 2	1. Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung. Kiểm tra thành phần hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, tham mưu thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi. - Trường hợp cơ sở không đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày lập biên bản đánh giá, tổ chức, cá nhân khắc phục và gửi báo cáo kết quả khắc phục bằng văn bản đến cơ quan có thẩm quyền để được thẩm định và đánh giá lại điều kiện thực tế (nếu cần thiết) - Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, tham mưu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	Chuyên viên Phòng Kế hoạch – Tài chính	184 giờ	Mục 5.2 Biên bản kiểm tra
	2. Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng. Kiểm tra thành phần hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, tham mưu cấp Giấy chứng nhận đủ điều		64 giờ	

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	QUY TRÌNH	Mã hiệu: QT KHTC-13
	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: /9/2021
		Trang: 5/5

	kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.			
Bước 3	- Nếu đạt yêu cầu: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi; - Nếu không đạt yêu cầu: Tham mưu văn bản nêu rõ lý do	Chuyên viên Kế hoạch – Tài chính	04 giờ	Biên bản kiểm tra Giấy chứng nhận hoặc văn bản trả lời.
Bước 4	- Lãnh đạo phòng xem xét GCN hoặc văn bản trả lời; - Trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	Lãnh đạo Phòng Kế hoạch – Tài chính	02 giờ	Biên bản kiểm tra Giấy chứng nhận hoặc văn bản trả lời.
Bước 5	- Lãnh đạo Sở xem xét: + Đồng ý: Ký duyệt GCN hoặc văn bản trả lời; + Không đồng ý: Yêu cầu chỉnh sửa theo yêu cầu và trình lãnh đạo Sở ký.	- Lãnh đạo Sở; Phòng Kế hoạch – Tài chính	02 giờ	Biên bản kiểm tra Giấy chứng nhận hoặc văn bản trả lời.
Bước 6	Chuyển kết quả thủ tục hành chính cho văn thư đóng dấu	Văn thư Sở	02 giờ	Giấy chứng nhận hoặc văn bản trả lời hoặc văn bản xin lỗi đến tổ chức, cá nhân
Tổng thời gian giải quyết TTHC trong nội Sở				- Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung: 196 giờ làm việc; - Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: 76 giờ làm việc.

6. BIỂU MẪU VÀ PHỤ LỤC:

7. HỒ SƠ LƯU

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Hồ sơ theo mục 5.2
2	Giấy chứng nhận hoặc văn bản trả lời hoặc văn bản xin lỗi đến tổ chức, cá nhân

Hồ sơ được lưu tại Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống kho lưu trữ của cơ quan.